

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi ECO - Thanh Sơn tại xã Tân Bình và xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Star Farming**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 2456/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án: Trang trại chăn nuôi ECO - Thanh Sơn tại xã Tân Bình và xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Star Farming;*

*Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi ECO - Thanh Sơn tại xã Tân Bình và xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Star Farming; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự*

án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 26/CV-CC ngày 06/4/2022 của Công ty TNHH Star Farming;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 503/Tr-STNMT ngày 02/6/2022.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi ECO - Thanh Sơn của Công ty TNHH Star Farming (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tân Bình và xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

- Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Như Xuân, Công ty TNHH Star Farming và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Đức Giang**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**Dự án đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi ECO - Thanh Sơn tại xã Tân Bình và xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân của Công ty TNHH Star Farming**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

**1. Thông tin chung dự án:**

**1.1. Tên dự án:** Dự án đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi ECO - Thanh Sơn tại xã Tân Bình và xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân.

**1.2. Chủ đầu tư:** Công ty TNHH Star Farming

- Đại diện: ông Lê Công Quang Huy

- Chức vụ: Tổng Giám đốc

- Điện thoại: 0848.011.236

- Địa chỉ liên lạc: Thôn Hón Tĩnh, xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

**1.3. Phạm vi, quy mô, công suất dự án:**

- Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng:

+ Khu đất số 1: Tổng diện tích khoảng 154.225,61m<sup>2</sup>; trong đó: đất xây dựng chuồng nuôi các công trình phục vụ dự án là 11.094,48m<sup>2</sup>; đất xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật khác và khu cây xanh cách ly là 143.131,13 m<sup>2</sup>.

+ Khu đất số 2: Tổng diện tích khoảng 112.124,61m<sup>2</sup>; trong đó: đất xây dựng chuồng nuôi các công trình phục vụ dự án là 11.094,48m<sup>2</sup>; đất xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật khác và khu cây xanh cách ly là 101.030,13 m<sup>2</sup>.

+ Khu đất số 3: Tổng diện tích khoảng 118.336,30m<sup>2</sup>; trong đó: đất xây dựng chuồng nuôi các công trình phục vụ dự án là 16.150,32m<sup>2</sup>; đất xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật khác và khu cây xanh cách ly là 102.185,98 m<sup>2</sup>.

- Công suất thiết kế:

+ Khoảng 500.000 con gà thương phẩm/lứa;

+ Trồng cây hàng năm và cây lâu năm khác trên diện tích khoảng 301.030m<sup>2</sup>.

**1.4. Các hạng mục công trình:**

- Khu đất số 1:

+ Các hạng mục công trình: 08 chuồng gà thịt, 02 chuồng cách ly.

+ Các hạng mục công trình phụ trợ: 02 nhà sát trùng; 01 phòng quản lý; 02 phòng công nhân; 01 nhà bếp + ăn; 01 nhà để xe; 01 nhà kho; 01 nhà sinh hoạt chung và các hạng mục công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật khác.

+ Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: 01 hầm Biogas, 01 ao sinh học, 01 khu hủy xác gà, các hạng mục công trình thu gom, xử lý chất thải...

- Khu đất số 2:

+ Các hạng mục công trình: 08 chuồng gà thịt, 02 chuồng cách ly.

+ Các hạng mục công trình phụ trợ: 02 nhà sát trùng; 01 phòng quản lý; 02 phòng công nhân; 01 nhà bếp + ăn; 01 nhà để xe; 01 nhà kho; 01 nhà sinh hoạt chung và các hạng mục công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật khác.

+ Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: 01 hầm Biogas, 01 ao sinh học, 01 khu hủy xác gà, các hạng mục công trình thu gom, xử lý chất thải...

- Khu đất số 3:

+ Các hạng mục công trình: 12 chuồng gà thịt, 01 chuồng cách ly.

+ Các hạng mục công trình phụ trợ: 01 nhà điều hành; 01 nhà bảo vệ; 01 nhà sát trùng; 01 nhà công nhân + WC; 01 nhà để xe; 01 nhà kỹ thuật; 01 nhà ăn + ăn; 01 kho cám và các hạng mục công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật khác.

+ Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: 01 hầm Biogas, 01 ao sinh học, 01 khu hủy xác gà, các hạng mục công trình thu gom, xử lý chất thải...

## **2. Các tác động môi trường chính của dự án**

### **2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:**

#### *2.1.1. Các tác động môi trường chính:*

- Tác động đến môi trường nước: Nước thải phát sinh từ hoạt động thi công, sinh hoạt của công nhân và nước mưa chảy tràn chảy qua khu vực dự án.

- Tác động đến môi trường không khí: Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp, san gạt, trút đổ nguyên vật liệu; hoạt động thi công; hoạt động của phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển,...

- Tác động do chất thải rắn thông thường: Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân xây dựng tại dự án; chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công.

- Tác động do chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại từ hoạt động của cán bộ, công nhân dự án; quá trình sửa chữa, bảo dưỡng nhỏ các máy móc, thiết bị thi công.

#### *2.1.2. Quy mô, tính chất của nước thải (tại mỗi khu đất)*

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 2,85 m<sup>3</sup>/ngày, trong đó: Nước thải vệ sinh khoảng 1,08m<sup>3</sup>/ngày; nước thải tắm rửa khoảng 1,59m<sup>3</sup>/ngày; nước thải ăn uống khoảng 0,18m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, Coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 4,0 m<sup>3</sup>/ngày; nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc thiết bị thi công, rửa lốp bánh xe các phương tiện vận chuyển... phát sinh khoảng 2,0 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu gồm cặn lơ lửng, dầu mỡ...

### 2.1.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu; san gạt mặt bằng và xây dựng các công trình phục vụ chăn nuôi tại trang trại.

### 2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại mỗi khu đất khoảng 45,0kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải xây dựng gồm:

+ Thực vật phát quang phát sinh tại khu đất số 1 là 23,1 tấn; khu đất số 2 là 16,8 tấn; khu đất số 3 là 17,7 tấn;

+ Đất bóc phong hóa, đất đào thừa tại khu đất số 1 là 403.719,2 m<sup>3</sup>, khu đất số 2 là 127.882,4 m<sup>3</sup>, khu đất số 3 là 263.991,1m<sup>3</sup>;

+ Chất thải rắn từ quá trình xây dựng như cát, đất, bê tông, đá, bao bì ... tại khu đất số 1 là 358,0 tấn, khu đất số 2 là 422,5 tấn, khu đất số 3 là 443,6 tấn.

### 2.1.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh tại mỗi khu đất khoảng 5,6kg; thành phần chủ yếu gồm: giẻ lau chùi máy móc dính dầu, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy,....

- Chất thải lỏng nguy hại phát sinh tại khu đất số 1 là 102,5 lít, khu đất số 2 là 118,5 lít và khu đất số 3 là 122,0 lít/tổng thời gian thi công; thành phần chủ yếu là dầu máy thải.

## 2.2. Giai đoạn vận hành:

### 2.2.1. Các tác động môi trường chính:

- Tác động đến môi trường nước: Nước mưa chảy tràn, nước thải từ quá trình chăn nuôi, nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên.

- Tác động đến môi trường không khí: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi.

- Tác động do chất thải rắn thông thường: Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên; chất thải rắn từ hoạt động chăn nuôi.

- Tác động do chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên; quá trình sửa chữa, bảo dưỡng nhỏ các máy móc, thiết bị phục vụ chăn nuôi.

### 2.2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân tại mỗi khu đất: Lượng nước thải sinh hoạt: 3,0m<sup>3</sup>/ngày đêm; trong đó nước tắm giặt: 1,2m<sup>3</sup>/ngày đêm; nước thải nhà bếp: 0,9m<sup>3</sup>/ngày đêm; nước thải vệ sinh: 0,9m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, Coliform,...

- Nước thải chăn nuôi: Tổng lưu lượng nước thải lớn nhất phát sinh sau mỗi lần rửa chuồng (phát sinh 4 lần/năm) tại khu đất số 1 là 49,0m<sup>3</sup>, khu đất số

2 là 65,3m<sup>3</sup>, khu đất số 3 là 65,3m<sup>3</sup>. Thành phần chủ yếu: pH, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, tổng N, tổng P, Coliform,....

#### 2.2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Mùi hôi từ các chuồng nuôi; mùi, khí thải phát sinh từ kho chứa thức ăn; Khí thải phát sinh từ hầm biogas; Bụi từ hoạt động vận chuyển con giống, thức ăn và sản phẩm; Khí thải từ khu vực xử lý nước thải; Bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng. Khí thải có thành phần chủ yếu là CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, NH<sub>3</sub>; H<sub>2</sub>S;...

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình làm đất ươm giống, trồng cây, bón phân, phun thuốc BVTV, chăm sóc cây trồng.

#### 2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 27,0kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa catton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn từ quá trình chăn nuôi:

+ Khu đất số 1: Khối lượng phân, lông gia cầm phát sinh 42,11tấn/lúa; Khối lượng chất độn chuồng phát sinh là 36,6 tấn/lúa; Gà chết 280 con/lúa; Bao bì đựng thức ăn phát sinh 29,8kg/lúa.

+ Khu đất số 2: Khối lượng phân, lông gia cầm phát sinh 167,0tấn/lúa; Khối lượng chất độn chuồng phát sinh là 36,6 tấn/lúa; Gà chết 1.110 con/lúa; Bao bì đựng thức ăn phát sinh 118,3kg/lúa.

+ Khu đất số 3: Khối lượng phân, lông gia cầm phát sinh 167,0tấn/lúa; Khối lượng chất độn chuồng phát sinh là 53,3 tấn/lúa; Gà chết 1.110 con/lúa; Bao bì đựng thức ăn phát sinh 118,3kg/lúa.

- Chất thải phát sinh từ quá trình trồng cây hằng năm và cây lâm nghiệp gồm: vỏ bao bì phân bón, túi nilon,...; ngoài ra, còn lượng cây chết, cành, lá cây phát sinh trong quá trình trồng, chăm sóc cây.

#### 2.2.5. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh tại mỗi khu đất khoảng 3,0kg/tháng; thành phần chính gồm bóng đèn neon bị vỡ, hỏng, bơm kim tiêm, vỏ thuốc, chất tẩy rửa...; Bao bì đựng vắc xin, thuốc thú y, kim tiêm phát sinh tại khu đất số 1 khoảng 3,0kg/tháng, khu đất số 2 và khu đất số 3 phát sinh khoảng 10,0kg/tháng.

#### 2.2.6. Một số tác động do rủi ro, sự cố:

Sự cố cháy nổ; sự cố hệ thống xử lý nước thải; sự cố dịch bệnh,...

### 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

#### 3.1. Giai đoạn xây dựng

##### 3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm: Thường xuyên nạo vét khơi thông cống rãnh để tránh ngập úng và ách tắc dòng chảy tại khu vực dự án với tần suất 03 tháng/lần; Thi công theo hình thức cuốn chiếu để giảm thiểu hiện tượng ngập cục bộ cũng như đất cát cuốn theo nước

mưa vào nguồn tiếp nhận; Nhà thầu thi công cần phải thu dọn các chất rơi vãi trong khi san lấp, đào móng hạn chế các chất rơi vãi bị cuốn theo nước mưa.

- *Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:*

+ Đối với nước từ quá trình vệ sinh tay chân có nồng độ các chất ô nhiễm không cao, thu gom vào rãnh thoát và thải trực tiếp vào hệ thống thoát nước chung khu vực;

+ Bố trí 02 nhà vệ sinh chìm khô gần khu vực lán trại.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:* Được thu gom bằng rãnh thu gom tạm thời định hướng dòng chảy về hồ lắng có thể tích  $6,0m^3$  (kích thước:  $2,0m \times 3,0m \times 1,0m$ ) để lắng cặn trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung khu vực.

*3.1.2. Về bụi, khí thải:*

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân, phun nước giảm thiểu bụi đất, cát trong quá trình thi công dự án, nguồn nước được lấy từ nước giếng khoan trong khu vực dự án. Tần suất phun tưới nước 02 lần/ngày và có thể tăng nếu phát sinh nhiều bụi; Các xe vận chuyển vật liệu được che phủ kín bạt.

*3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:*

*a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt:*

- Chủ đầu tư trang bị 03 thùng đựng rác có nắp đậy với dung tích 50 lít/thùng tại vị trí lán trại của công nhân để thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt. Sau đó hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

*b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng:*

- Đối với đất đào được sử dụng để tôn cao nền, san gạt tạo mặt bằng khu vực chân đồi trong khu vực dự án; đất, đá thải, gạch,... được sử dụng để san gạt tại các vị trí trũng; tiến hành lu lèn chặt để đảm bảo sự tiêu thoát nước tốt tại khu vực dự án.

- Đối với loại chất thải rắn như bìa carton, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng được thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Đối với sinh khối thực vật phát quang: thân và cành cây keo có thể xuất bán cho nhà máy chế biến gỗ công nghiệp trên địa bàn; cành, lá, rễ cây được thu gom và hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đưa đi xử lý;

*3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:*

- Tại mỗi khu bố trí 01 thùng chứa chất thải lỏng nguy hại có thể tích 200 lít có nắp đậy, dán nhãn; 01 thùng phi có nắp đậy dung tích 100 lít lưu giữ chất thải rắn nguy hại như giẻ lau dính dầu. Các thùng chứa tập kết tại kho chứa có diện tích khoảng  $3,0m^2$  gần khu vực lán trại.

- Toàn bộ lượng chất thải nguy hại hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

### 3.2. Giai đoạn vận hành

#### 3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

##### a. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:

- Nước mưa khu sinh hoạt, sân đường nội bộ (ngoài khu chuồng nuôi): Nước mưa được thu gom bằng hệ thống mương xây bằng gạch B300, B500; trên hệ thống thu gom bố trí các hố ga để lắng cặn vào hồ chứa trước khi thải ra môi trường bên ngoài; giải pháp thiết kế thoát nước mưa đi riêng với hệ thống thoát nước thải.

- Nước mưa chảy tràn khu vực chuồng trại: Nước mưa khu chuồng nuôi cùng với nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý sơ bộ được thu gom vào rãnh nội bộ trong khu chuồng nuôi (B400), lưu trữ tại ao sinh học của dự án sau đó tái sử dụng bơm nước rửa đường, rửa chuồng.

##### b. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt tại mỗi khu đất:

+ Nước thải từ quá trình tắm, giặt → hệ thống thoát nước thải, hố ga → Mương thoát nước khu vực;

+ Nước thải từ nhà ăn → bể tách dầu mỡ → hệ thống ống thoát nước → Ao sinh học;

+ Nước thải từ nhà vệ sinh → bể tự hoại → Ao sinh học.

- Nước thải từ hoạt động chăn nuôi tại mỗi khu đất: Nước thải → Biogas → Ao sinh học → Hồ khử trùng → Một phần tái sử dụng để rửa chuồng trại, lượng nước còn lại thoát ra hệ thống thoát nước chung khu vực. Khu đất số 1 thoát nước ra mương thoát nước phía Đông Bắc khu đất, khu đất số 2 thoát ra mương thoát nước phía Tây khu đất, khu đất số 3 thoát ra mương thoát nước phía Tây Bắc khu đất.

- Nước thải phải được xử lý đạt quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

- Khi xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu giữ tại ao sinh học, đảm bảo khả năng lưu chứa nước thải trong 7-15 ngày. Chủ đầu tư có trách nhiệm khẩn trương khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải, cam kết không xả nước thải chưa xử lý ra môi trường, kịp thời báo cáo chính quyền và đơn vị có thẩm quyền khi có sự cố xảy ra.

#### 3.2.2. Về bụi, khí thải:

- Đối với khí thải từ chuồng nuôi, khu xử lý chất thải tại mỗi khu đất:

+ Lắp đặt hệ thống làm mát cho các dãy chuồng nuôi, lắp đặt quạt thông gió tại các đầu chuồng nuôi và hệ thống quạt hút ở cuối mỗi dãy chuồng nuôi để khu vực chuồng nuôi được thoáng mát. Phía sau hệ thống quạt hút của khu chuồng nuôi bố trí buồng xử lý khí thải và lắp đặt hệ thống giàn phun sương từ trên xuống để dập bụi, lông gà và giảm thiểu mùi hôi, khí thải từ khu vực chuồng nuôi (dung dịch phun sương có chứa chế phẩm EM).

+ Kết thúc mỗi đợt nuôi vệ sinh khu vực chuồng nuôi sạch sẽ, tránh để ứ đọng chất thải trong chuồng nuôi; Sử dụng chất độn chuồng đã được phối trộn



chế phẩm sinh học để giảm thiểu ô nhiễm từ phân và nước tiểu gà; Thu gom và xử lý triệt để chất thải (phân gà) phát sinh sau mỗi đợt nuôi;

+ Trồng cây xanh xung quanh khu vực xử lý nước thải như: bể tự hoại, ao sinh học và xung quanh khu vực trang trại;

+ Thường xuyên phun chế phẩm sinh học xung quanh khu vực chuồng trại, hệ thống xử lý nước thải và bổ sung men vi sinh cho ao sinh học để giảm mùi hôi.

+ Bổ sung chế phẩm sinh học xử lý chất thải: sử dụng khi kết thúc mỗi đợt nuôi phun bổ sung để phân huỷ nhanh lượng phân trong khu chuồng trại đã xuất bán gà chế phẩm sử dụng là chế phẩm EM, định mức sử dụng: 1lít/m<sup>2</sup> sàn nuôi.

**- Đối với hoạt động vận chuyển tại mỗi khu đất:**

*Sử dụng xe chuyên dụng và thực hiện che kín thùng vận chuyển, đồng thời có lắp đặt thiết bị thông gió trên thùng vận chuyển (đối với việc vận chuyển con giống, gà thành phẩm) để đảm bảo mùi và khí thải không phát sinh ra môi trường xung quanh.*

**3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Chất thải rắn sinh hoạt tại mỗi khu đất được thu gom vào 10 thùng chứa dung tích 20 lít/thùng, có nắp đậy. Các loại chất thải rắn có thể tái chế như: thủy tinh, nhựa, nilon, vỏ đồ hộp,... được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn; các loại chất thải rắn không thể tái chế được thu gom riêng và hợp đồng với đơn vị môi trường địa phương thu gom, xử lý.

- Đối với chất thải rắn trong quá trình chăn nuôi:

+ Bao bì đựng thức ăn chăn nuôi tại mỗi khu đất: Được thu gom tại kho chứa thức ăn, sau khi kết thúc mỗi lứa gà sử dụng các loại bao bì này đựng chất thải từ chuồng nuôi;

+ Chất thải rắn từ chuồng nuôi tại mỗi khu đất (*gồm phân, trấu và lông gà*): Sau khi kết thúc đợt nuôi, hỗn hợp phân được công nhân làm việc tại trang trại thu gom và bán cho các cơ sở sản xuất phân bón hữu cơ, không lưu giữ tại khu vực trang trại;

+ Xác gà chết:

Đối với gà chết không do dịch bệnh: Gà chết sẽ được vận chuyển về khu hủy xác gà chết; cụ thể: Khu đất số 1 và số 2 (*tại xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân*) bố trí mỗi khu đất 01 khu chôn xác gà chết có diện tích 36m<sup>2</sup>, chia thành 2 hố nhỏ có diện tích 18m<sup>2</sup>, sâu 3m. Khu đất số 3 (*tại xã Tân Bình, huyện Như Xuân*) bố trí 01 khu chôn có tổng diện tích 53,36m<sup>2</sup>, sâu 3m: Quy trình chôn lấp thực hiện theo QCVN 01 - 41:2011/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

Đối với gà chết do dịch bệnh: Chủ đầu tư thực hiện các biện pháp vệ sinh phòng dịch theo quy định hiện hành, kịp thời báo cáo với cơ quan chuyên môn

về vệ sinh thú y, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Đối với chất thải từ hoạt động trồng và chăm sóc cây: Lá, cây, cành cây được thu gom để khô cho người dân làm chất đốt hoặc hoai mục làm phân bón.

*3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:*

- Các chất thải phát sinh (*giẻ lau chùi máy móc dính dầu, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, bao bì thuốc BVTV,...*): Mỗi khu trại trang bị tối thiểu 03 thùng chứa dung tích 50 lit/thùng đặt tại khu vực kho chứa của trang trại có dán nhãn mác đúng quy định sau đó hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn) trong quá trình chăm sóc cho gà: Mỗi khu trại trang bị 02 thùng chứa có nắp đậy kín dung tích 50lit/thùng, dán nhãn cảnh báo và được đặt riêng trong khu vực nhà kho thuốc vacxin. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Riêng đối với các loại vỏ chai vắc xin, kháng sinh, thuốc thú y của gà,...sẽ được thu gom lưu trữ tại khu vực riêng và gửi về cho đơn vị cung cấp.

- Chất thải lỏng nguy hại được thu gom vào thùng chứa có thể tích 200 lít dán nhãn; lưu tại kho chứa chất thải nguy hại và hợp đồng với các đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

*3.2.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:*

*- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:*

+ Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị (máy bơm, máy phát điện quạt hút...) sử dụng trong trang trại;

+ Trại chăn nuôi được bố trí xa khu dân cư, trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án.

*- Biện pháp giảm thiểu tác động gây nên bởi rủi ro, sự cố môi trường:*

+ *Sự cố dịch bệnh:* Xây dựng khu nhà cách ly gà bị ốm, chết cách biệt trong khu vực riêng, tập trung các gia súc bị bệnh để dễ điều trị, tránh lây lan sang gia súc khỏe; có khu chuồng cách ly để nuôi gia súc mới nhập đàn; thường xuyên phun thuốc diệt côn trùng toàn bộ khu vực trang trại; tăng cường các biện pháp diệt chuột (sử dụng bả sinh học, đặt bẫy, nuôi mèo...) và các loài như: chim, côn trùng,... từ khu vực khác đến; thường xuyên vệ sinh thú y, khử trùng đối với các phương tiện ra vào trại,...

+ *Sự cố do hư hỏng hệ thống xử lý khí thải và nước thải:*

Thường xuyên kiểm tra các hệ thống xử lý; bố trí cán bộ có chuyên môn vận hành; khi phát hiện sự cố đối với hệ thống XLNT phải báo ngay cho đơn vị có chức năng để sửa chữa kịp thời; nếu hầm biogas gặp sự cố sẽ khóa van dẫn nước vào biogas để sửa chữa, khắc phục và sử dụng các hầm biogas còn lại để tiếp tục lưu trữ và xử lý; trường hợp các hầm biogas đều hỏng, hệ thống xử lý nước thải tập trung bị hỏng; toàn bộ nước thải chăn nuôi được bơm sang 02 hồ

sự có có tổng diện tích 2.745 m<sup>2</sup>, độ sâu 3,5m để lưu giữ chờ khắc phục hệ thống.

#### 4. Danh mục các công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

TT	Công trình bảo vệ môi trường	Khu đất số 1	Khu đất số 2	Khu đất số 3
<b>1</b>	<b>Công trình xử lý mùi, khí thải, bụi</b>			
-	Hệ thống các quạt hút	32 cái loại 360W	32 cái loại 360W	32 cái loại 360W
-	Hệ thống giàn làm mát	04 hệ thống/01 dãy chuồng nuôi	04 hệ thống/01 dãy chuồng nuôi	04 hệ thống/01 dãy chuồng nuôi
-	Hệ thống xử lý khí thải chuồng nuôi phía sau quạt hút	01 hệ thống/01 dãy chuồng nuôi.	01 hệ thống/01 dãy chuồng nuôi.	01 hệ thống/01 dãy chuồng nuôi.
<b>2</b>	<b>Công trình xử lý nước thải</b>			
-	Bể tự hoại 03 ngăn loại 4,85 m <sup>3</sup> /bể	04 bể	04 bể	04 bể
-	Bể tách dầu mỡ 0,5 m <sup>3</sup> /bể	01 bể	01 bể	01 bể
-	Hầm Biogas có thể tích 360,0 m <sup>3</sup>	01 hầm	01 hầm	01 hầm
-	Ao sinh học kết hợp hồ sự cố	01 ao, S= 352m <sup>2</sup> , sâu 3,0m	01 ao, S= 352m <sup>2</sup> , sâu 3,0m	01 ao, S= 154m <sup>2</sup> , sâu 3,0m
<b>3</b>	<b>Công trình/thiết bị thu gom, lưu giữ CTR</b>			
-	Thùng đựng rác thông thường loại 20lít/thùng	10 cái	10 cái	10 cái
-	Thùng đựng CTNH loại 20 lít/thùng	Tối thiểu 05 cái	Tối thiểu 05 cái	Tối thiểu 05 cái
-	Kho chứa phân, chất thải	01 kho	01 kho	01 kho
-	Khu hủy xác gà	01 khu S=36m <sup>2</sup> , sâu 3,0m	01 khu S=36m <sup>2</sup> , sâu 3,0m	01 khu S=53,36m <sup>2</sup> , sâu 3,0m

#### 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

##### 5.1. Giám sát chất lượng khí thải:

- Các chỉ tiêu giám sát: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S, CH<sub>4</sub>.
- Vị trí giám sát: 01 vị trí

+ KK1: Sau hệ thống xử lý mùi, khí thải tại các chuồng nuôi (chuồng đại diện) tại khu đất số 1

+ KK2: Sau hệ thống xử lý mùi, khí thải tại các chuồng nuôi (chuồng đại diện) tại khu đất số 2

+ KK3: Sau hệ thống xử lý mùi, khí thải tại các chuồng nuôi (chuồng đại diện) tại khu đất số 3

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc;

+ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu, giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

### **5.2. Giám sát chất lượng nước thải:**

- Chi tiêu giám sát: pH, TSS, BOD5, COD, Tổng N, Tổng P, Coliform, E. Coli.

- Vị trí giám sát:

+ NT1: 01 mẫu nước thải tại ao sinh học trước khi tái sử dụng hoặc thải ra môi trường của khu đất số 1.

+ NT2: 01 mẫu nước thải tại ao sinh học trước khi tái sử dụng hoặc thải ra môi trường của khu đất số 2.

+ NT3: 01 mẫu nước thải tại ao sinh học trước khi tái sử dụng hoặc thải ra môi trường của khu đất số 3.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 62-MT: 2016/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải chăn nuôi.

### **5.3. Tần suất giám sát: 03 tháng/lần**

## **6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:**

- Xây dựng công phụ và mở lối đi riêng vào khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung, khu vực nhà chứa phân; bố trí hệ thống khử trùng tại lối đi riêng để đảm bảo thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền khi đến kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường tại Trang trại.

- Thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi; lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi; thực hiện các biện pháp an toàn sinh học, vệ sinh môi trường trong chăn nuôi.

- Vận hành đầy đủ, liên tục các công trình xử lý chất thải và thực hiện đầy đủ các biện pháp thu gom và xử lý chất thải rắn trong suốt quá trình hoạt động.

- Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường./.